

Phụ lục số 03

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NSDP CẤP TỈNH NĂM 2022 (VỐN KẾ HOẠCH NĂM 2022)
(Kèm theo Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn năm 2022					Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh					Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết	Tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết	Tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	
A	B	1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10=4+5	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		1.234.000,5	1.232.200,5	325.397,946	0,000	0,000	0,000		0,000	325.397,946	131.260,991	164.591,825	28.000,000	1.545,130	
I	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn và điều chỉnh nguồn vốn		1.234.000,5	1.232.200,5	275.397,946	-100.900,000	-75.763,863	-25.136,137	0,000	0,000	174.497,946	55.497,128	89.455,688	28.000,000	1.545,130	
1	Nhà dạy nghề của Trung tâm giới thiệu việc làm thanh niên	3350, 03/12/2010; 2359, 19/8/2011; 2393, 23/10/2012; 3627, 27/11/2017	5.348,7	4.548,7	1.545,130	-17,610				-17,610	1.527,520	0,000	0,000	0,000	1.527,520	Dự án đã được phê duyệt quyết toán (dư vốn)
2	Nhà lớp học của Trường THPT Hồng Quang, TPHD	3826, 15/10/2018; 1281, 28/4/2021	43.866,1	43.866,1	2.366,080	-1.629,391			-1.629,391		736,689	0,000	0,000	736,689	0,000	Đang trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành (dư vốn)
3	Xây dựng đoạn tuyến đường từ cầu Triều đến đường tỉnh 389	3811; 30/10/2019	200.553,5	200.553,5	4.199,464	-3.782,120	-3.782,120	0,000	0,000		417,344	417,344	0,000	0,000	0,000	Dự án đã được phê duyệt quyết toán (dư vốn)
4	Sở Chỉ huy cơ bản/Căn cứ chiến đấu 1 tỉnh Hải Dương	3106; 31/10/2016	88.409,2	88.409,2	11.412,121	-415,370	-415,370	0,000	0,000		10.996,751	10.996,751	0,000	0,000	0,000	Dự án đã hoàn thành (dư vốn)
5	Xây dựng tuyến đường kết nối đường tỉnh 398B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 345 (tỉnh Quảng Ninh), thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2239; 03/7/2019	46.452,7	46.452,7	25.649,406	-25.649,406	-25.649,406	0,000	0,000		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	Vướng GPMB (Đất rừng phòng hộ tự nhiên). Năm 2022 không có khả năng giải ngân do không có khối lượng hoàn thành
6	Xây dựng Tượng đài Tiếng sấm đường 5	1200; 23/4/2021	57.500,0	56.500,0	20.000,000	-19.153,540	-19.153,540	0,000	0,000		846,460	846,460	0,000	0,000	0,000	Không có khối lượng hoàn thành

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn năm 2022					Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh					Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết	Tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu xổ số kiến thiết	Tăng thu thường xuyên năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	
A	B	1	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10=4+5	11	12	13	14	15
7	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 394B, tỉnh Hải Dương (đoạn từ Quốc lộ 5 đến Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng)	3850; 25/12/2021	147.400,0	147.400,0	50.000,000	-18.763,427	-18.763,427	0,000	0,000		31.236,573	31.236,573	0,000	0,000	0,000	Khối lượng hoàn thành đạt thấp hơn kế hoạch vốn giao (chủ yếu là tạm ứng thanh toán cho nhà thầu xây dựng)
8	Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa nhà khách Bạch Đằng	589, 03/3/2022; 860, 19/4/2022	44.805,6	44.805,6	20.000,000	-8.000,000	-8.000,000	0,000	0,000		12.000,000	12.000,000	0,000	0,000	0,000	Khối lượng hoàn thành đạt thấp hơn kế hoạch vốn giao (chủ yếu là tạm ứng thanh toán cho nhà thầu xây dựng)
9	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Hải Dương	2538; 31/8/2021	299.860,0	299.860,0	80.000,000	-23.489,136	0,000	-23.489,136			56.510,864	0,000	56.510,864	0,000	0,000	Không có khối lượng hoàn thành
10	Đầu tư xây dựng khối nhà Khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú của Bệnh viện Phụ sản Hải Dương	2885, 16/8/2019; 2983, 26/8/2019	299.804,8	299.804,8	60.225,745	0,000	0,000	-1.647,001	1.629,391	17,610	60.225,745		32.944,824	27.263,311	17,610	Điều chỉnh nguồn vốn
II	Bổ sung kế hoạch vốn				50.000,000	100.900,000	75.763,863	25.136,137	0,000	0,000	150.900,000	75.763,863	75.136,137	0,000	0,000	
1	Cấp bổ sung vốn điều lệ Quỹ Đầu tư phát triển Hải Dương				50.000,000	100.000,000	74.863,863	25.136,137	0,000	0,000	150.000,000	74.863,863	75.136,137	0,000	0,000	Bổ sung kế hoạch vốn
2	Đường 396B kéo dài (đoạn nối từ đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390)	17/NQ-HĐND; 24/6/2022	846.420,0	846.420,0	0,000	900,000	900,000				900,000	900,000	0,000	0,000	0,000	Bổ trí vốn CBĐT